



RESULTS

Rank	Back No.	Name	NOC	Elimination	6's	5's	Score		
1	008F	王昕婕	HLH	197 / 1	20	13	197		
2	005E	黃逸柔	TPC	194 / 2	17	16	194		
3	006F	陳芳翊	TNC	192 / 3	16	16	192	CT	
4	007E	吳亭廷	NTPC	192 / 4	16	16	192	CT	
5	005G	王律勻	TYC	189 / 5	15	15	189		
6	006H	顏筱軒	KLC	188 / 6	15	14	188		
7	006G	林昀謙	TCC	187 / 7	14	15	187		
8	007H	林彩瑜	HLH	186 / 8	15	12	186	SO	T.5
9	005F	陳麗如	NTPC	186 / 9	14	14	186	SO	T.4
10	008E	羅苡瑄	TYC	184 / 10	14	12	184		
10	006E	蕭宇健	TNC	184 / 10	14	12	184		
12	005H	朱睿瑤	TCC	184 / 12	11	19	184		
13	008G	王悅倫	KHC	182 / 13	13	14	182		
14	007G	高曾淑婷	HCH	179 / 14	10	15	179		
15	007F	李品軒	TPC	176 / 15	13	10	176		
16	008H	劉晉宇	KLC	176 / 16	10	14	176		



RESULTS

Rank	Back No.	Name	NOC	Elimination	6's	5's	Score		
1	007D	林昀謙	TCC	131 / 1	12	11	131		
2	008A	黃逸柔	TPC	130 / 2	11	12	130		
3	008B	吳亭廷	NTPC	128 / 3	10	12	128		
4	007A	王昕婕	HLH	125 / 4	10	11	125	SO	T.6
5	007C	王律勻	TYC	125 / 5	9	11	125	SO	T.4
6	008C	顏筱軒	KLC	124 / 6	9	10	124		
7	007B	陳芳翊	TNC	123 / 7	7	13	123		
8	008D	林彩瑜	HLH	119 / 8	8	7	119		